

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**
Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày: 03/8/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thế, ông Trần Đăng Ninh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Đ -
Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 12 năm 1978, tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc Đ1 (đã chết) và bà Mai Thị T; có vợ Trần Thị V và 03 con (con lớn sinh năm 1995; con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo khởi tố bị can ngày 12/3/2019, bị truy nã ngày 19/3/2019, ngày 16/11/2022 Nguyễn Văn Q đầu thú. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2022 đến nay. (Có mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Đại L; sinh ngày 07/10/1988; địa chỉ: Số C đường M, khối I, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

2. Mai Thị H, sinh năm 15/8/1968; địa chỉ: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

3. Lý Thị M, sinh năm 15/10/1991, địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Mai Thị T, sinh ngày 20/12/1975; địa chỉ: Thôn L, xã X, N, Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

5. Trần Văn T1, sinh ngày 10/5/1994; địa chỉ: Thôn H, xã V, Huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

6. Ngô Văn T2, sinh ngày: 20/11/1986; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

7. Phan Văn Đ2, sinh ngày: 03/9/1991; địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

8 Hà Nhật L1, sinh ngày: 23/01/1994; địa chỉ: Khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (*Vắng mặt*)

9. Đặng Quốc B, sinh ngày: 06/7/1981; địa chỉ: Thôn H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

- Những người làm chứng:

1. Hồ Thị Thanh H1; sinh ngày: 11/12/1985; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)

2. Nguyễn Thu H2; sinh ngày: 25/02/1987; địa chỉ: Thôn N, Xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. (*Vắng mặt*)

3. Nguyễn Thị Kim O; sinh ngày: 25/10/1967; địa chỉ: Số I, ngõ B đường T, phường L, Tp ., tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

4. Hoàng Thị S; sinh ngày: 08/8/1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

5. Lê Thị P; sinh ngày: 07/11/1982; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. (*Vắng mặt*)

6. Nguyễn Thị Thanh H3; sinh ngày: 01/01/1980, địa chỉ: Đ khu H, xã M, TP ., tỉnh Phú Thọ. (*Vắng mặt*)

7. Nguyễn Thị L2; sinh ngày: 29/4/1992; địa chỉ: Tổ D, phường Đ, T.P B, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

8. Mai Thị L3; sinh ngày 25/10/1977, địa chỉ: Khu phố A, xã N, B, Thanh Hóa. (*Vắng mặt*)

9. Đỗ Thị N; sinh ngày: 28/10/1977; địa chỉ: Xã N, huyện P, TP .. (*Vắng mặt*)

10. Phan Thị L4; sinh ngày: 15/01/1978; địa chỉ: Xóm F, thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên. (*Vắng mặt*)

11. Vũ Thị Phương T3; sinh ngày: 29/3/1985; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. (*Vắng mặt*)

12. Nguyễn Văn H4; sinh ngày: 15/10/1982; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

13. Nguyễn Công T4; sinh ngày: 10/10/1986; địa chỉ: Xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)

14. Lê Văn Q1; sinh ngày: 15/9/1989, địa chỉ: Xã N, huyện P, TP .. (*Vắng mặt*)

15. Nguyễn Hữu T5, sinh ngày 14/6/1977; địa chỉ: Thôn L, xã T, T. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

16. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 16/01/1978; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. (*Vắng mặt*)

17. Nguyễn Văn G; sinh ngày: 31/8/1995; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, Hải Dương. (*Vắng mặt*)

18. Nguyễn Văn T6, sinh ngày 14/6/1985; địa chỉ: Thôn T, Xã T, Thị xã C, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt*)

19. Đào Thị C; sinh ngày: 30/3/1981; địa chỉ: Xã D, huyện G, TP .. (*Vắng mặt*)

20. Nguyễn Duy H5; sinh ngày: 08/7/1987; địa chỉ: Cụm D, Xã T, huyện Đ, TP .. (*Vắng mặt*)

21. Nguyễn Thị T7; sinh ngày: 12/02/1976; địa chỉ: Cụm G, P, huyện P, TP .. (*Vắng mặt*)

22. Phạm Thị T8; sinh ngày: 01/5/1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, TP .. (*Vắng mặt*)

23. Chu Văn Q2; sinh ngày: 10/12/1986; địa chỉ: Thôn C, Xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

24. Trình Thị B1; sinh ngày: 01/5/1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

25. Đỗ Thị M1 sinh ngày: 07/7/1987; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. (*Vắng mặt*)

26. Ngọc Thị T9; sinh ngày: 12/2/1985; địa chỉ: Khu D, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (*Vắng mặt*)

27. Trần Văn T10; sinh ngày: 10/11/1980; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. (*Vắng mặt*)

28. Nguyễn Thị T11; sinh ngày: 25/01/1991; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. (*Vắng mặt*)

29. Phạm Thị B2; sinh ngày: 08/5/1984; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên. (*Vắng mặt*)
30. Vũ Đức M2; sinh ngày 02/10/1987; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng. (*Vắng mặt*)
31. Lê Thành L5, sinh ngày 06/01/1985; địa chỉ: Thôn R, Xã T, huyện B, TP .. (*Vắng mặt*)
32. Tô Thị H6; sinh ngày 14/4/1987; địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (*Vắng mặt*)
33. Ma Văn T12; sinh ngày: 22/12/1981; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt*)
34. Đoàn Ngọc V1; sinh ngày: 22/7/1990; địa chỉ: Thôn A, Xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. (*Vắng mặt*)
35. Cao Văn T13; sinh ngày: 24/8/1986; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (*Vắng mặt*)
36. Trần Văn L6; sinh ngày: 20/10/1984; địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)
37. Đào Thị H7; sinh ngày: 10/9/1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)
38. Nguyễn Văn T14; sinh ngày: 20/8/1984; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)
39. Hồ Văn C1; sinh ngày: 29/8/1989; địa chỉ: Xóm F, Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)
40. Nguyễn Thành L7; sinh ngày 20/8/ 1988; địa chỉ: Xóm G, Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)
41. Phan Ngọc L8, sinh năm 05/2/1971, địa chỉ: Thôn G, xã X, N, Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)
42. Nguyễn Văn T15; sinh ngày: 13/5/1989; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)
43. Lương Văn T16; sinh ngày: 02/9/1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)
44. Mạc Văn Đ3; sinh ngày: 19/6/1977; địa chỉ: Xã A, TX. C, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt*)
45. Nguyễn Thị H8; sinh ngày: 26/3/1984; địa chỉ: Đ, P, Xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt*)

46. Nguyễn Văn N2; sinh ngày: 14/01/1984; địa chỉ: Lô I, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt*)

47. Hoàng Nghĩa C2; sinh ngày: 03/12/1990; địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2020, lợi dụng những người lao động đã có thời gian làm việc tại Đài Loan, bị chính quyền sở tại bắt giữ, trục xuất về nước, cấm nhập cảnh vào Đài Loan nhưng có nhu cầu quay trở lại tìm việc làm, Nguyễn Văn Q (sinh năm 1978) và Phan Đại L (sinh năm 1988, em họ của Q) đều trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức cho 49 người lao động trốn sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch sau đó lên tàu biển để nhập cảnh trái phép vào Đài Loan. Chi phí mỗi người đi phải nộp 6.500USD, nộp cọc trước 500USD tại Việt Nam, sang tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc nộp cho đường dây của Nguyễn Văn Q 3.000USD, số tiền còn lại người lao động phải nộp tiếp cho Nguyễn Văn Q khi sang đến Đài Loan. Trong số 49 người này có 02 người sau khi đến bờ biển Đài Loan, khi từ tàu lớn xuống thuyền nhỏ để vào đất liền thì bị lật thuyền dẫn đến tử vong, số còn lại đã bị Cục Tuần duyên bờ biển Viện hành chính Đài Loan phát hiện, bắt giữ, trục xuất về Việt Nam. Ngày 16/11/2022, Nguyễn Văn Q từ Đài Loan về Việt Nam đầu thú.

Kết quả điều tra xác định:

Vào khoảng cuối năm 2017, Nguyễn Văn Q đang lao động tại thành phố Đ, Đài Loan quen biết một người đàn ông Đài Loan tên A T17 (là chủ tàu chuyên chở lao động bất hợp pháp từ tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc sang Đài Loan). A T17 nói với Q “Có một số người Việt Nam muốn sang Đài Loan lao động nhưng không thể nhập cảnh Đài Loan bằng con đường hợp pháp được nên nhờ Q đứng ra làm người trung gian để đưa những người này sang Đài Loan lao động. Cách thức đi, từ Việt Nam trốn vượt biên giới sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch, sau đó sẽ có người của A T17 đón, đưa đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, rồi lên tàu biển trốn sang Đài Loan”, Nguyễn Văn Q đồng ý. A T17 sẽ cho người lao động số điện thoại và tài khoản facebook của Nguyễn Văn Q để họ liên hệ, trao đổi. Về chi phí để sang Đài Loan thì A T17 nói “Mỗi người đi phải nộp 6.500 USD, nộp 500 USD tiền cọc ở Việt Nam, để thanh toán các chi phí ăn uống, nghỉ ngơi, sau khi sang đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc sẽ nộp tiếp 3.000 USD, sau khi sang Đài Loan thành công sẽ thu số tiền còn lại”.

Sau đó Nguyễn Văn Q đã liên lạc, trao đổi với Phan Đại L đặt vấn đề “Cho người lao động chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của Phan Đại L”. Khi đó Phan Đại L đang sử dụng số tài khoản 1902895999999 mở tại ngân hàng T19 Chi

nhánh tỉnh Nghệ An, nên L đồng ý. Nguyễn Văn Q trao đổi với Phan Đại L hiện tại có người Việt Nam muốn sang Đài Loan lao động nhưng không thể đi bằng con đường chính ngạch, nhờ L giúp Q liên hệ với người lao động, cách thức tổ chức trốn sang Đài Loan là tập trung người lao động ở Hà Nội, sau đó bố trí xe cho những người này lên cửa khẩu C3, tỉnh Lạng Sơn sẽ có người phụ nữ tên H9 đón dẫn trốn sang Trung Quốc, rồi từ Trung Quốc sẽ có người đón dẫn trốn sang Đài Loan. Về chi phí Q trao đổi với L khi có người liên lạc thì báo chi phí đi là 6.500 USD/người và phải nộp trước ở Việt Nam số tiền cọc 500 USD/người. Q thống nhất sẽ cho người lao động số điện thoại và tài khoản Zalo của L để người lao động chủ động liên lạc, Phan Đại L đồng ý. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 01/2018, Nguyễn Văn Q gọi điện thông báo cho Phan Đại L là tới đây có chuyến tổ chức cho người trốn đi Đài Loan, Q bảo L chuẩn bị ra Hà Nội tập trung người và thu tiền đặt cọc, L đồng ý. Khoảng giữa tháng 1/2018, Phan Đại L ra Hà Nội thuê phòng tại nhà nghỉ ở gần bến xe M, thành phố Hà Nội (không nhớ rõ tên, địa chỉ) rồi thông báo cho người lao động biết. Khi tập trung được 10 người tại nhà nghỉ gồm: Nguyễn Thị Kim O sinh năm 1967, trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Trần Văn T1 sinh năm 1985, trú tại xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Hữu T5 sinh năm 1977, trú tại thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nguyễn Văn N1 sinh năm 1978, trú tại thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Mai Thị L3 sinh năm 1977, trú tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; Hồ Thị Thanh H1 sinh năm 1985, trú tại xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nguyễn Thu H2 sinh năm 1987 trú tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Hoàng Thị S sinh năm 1977, trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; Lê Thị P sinh năm 1967, trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Thị Thanh H3 sinh năm 1980, trú tại xã M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Phan Đại L thu mỗi người 500USD tiền đặt cọc. Khoảng 19 giờ, Phan Đại L và người lao động lên xe đi Lạng Sơn. Khi xe đến ngã tư M, Lạng Sơn có 08 người lao động đang chờ sẵn gồm: Nguyễn Thị L2 sinh năm 1992, trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Đỗ Thị N sinh năm 1977, trú tại xã N, huyện P, thành phố Hà Nội; Phan Thị L4 sinh năm 1978, trú tại xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Vũ Thị Phương T3 sinh năm 1985, trú tại phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định); Nguyễn Văn H4 sinh năm 1982, trú tại xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Công T4 sinh năm 1986, trú tại xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An; Lê Văn Q1 sinh năm 1989, trú tại xã N, huyện P, thành phố Hà Nội và Nguyễn Văn G sinh năm 1985, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, Phan Đại L tập hợp hai nhóm người lại với nhau thành 18 người. Theo lời dặn của Nguyễn Văn Q, Phan Đại L tiếp tục thu tiền đặt cọc của 08 người này, sau đó liên lạc với một người phụ nữ tên H9 (theo giới thiệu của Q). H9 cho hai người đàn ông đến gặp Phan Đại L, L đưa tiền và giao những người lao động cho hai người này, giao người xong, Phan Đại L quay trở về Hà Nội. Những người lao động sau đó được đưa lên xe ô tô đi đến cửa khẩu C3, tỉnh Lạng Sơn, theo đường tiểu ngạch vượt biên sang Trung Quốc, rồi tiếp tục lên

tàu biển sang Đài Loan. Khi đi đến bờ biển Đài Loan, thì toàn bộ 18 người bị lực lượng chức năng Đài Loan phát hiện, bắt giữ, trục xuất về Việt Nam.

Lần này Phan Đại L và Nguyễn Văn Q đã tổ chức cho 18 người lao động trốn sang Đài Loan. Phan Đại Lợi T18 tiền mặt đặt cọc khoảng 160.000.000đ và tiền chuyển qua tài khoản của Phan Đại L 34.000.000đ. Số tiền thu được, ngoài việc chi phí ăn uống, thuê phòng nghỉ, xe đi lại cho người lao động và đưa cho người phụ nữ tên H9, Nguyễn Văn Q chưa được hưởng lợi gì từ số tiền trên.

Lần thứ hai:

Khoảng đầu tháng 3/2018, có 30 người lao động liên hệ với Nguyễn Văn Q đặt vấn đề sang Đài Loan lao động. Nguyễn Văn Q trao đổi với những người này “Lần trước một số người sang Đài Loan đã bị bắt và trục xuất về nước nên việc đi có thể gặp rủi ro”, người lao động nói họ sẽ tự chịu trách nhiệm khi gặp rủi ro. Khi người lao động liên hệ thì Nguyễn Văn Q trao đổi về cách thức, chi phí đi như đã trao đổi với người lao động trước đó. Nguyễn Văn Q cũng cho người lao động số điện thoại và tài khoản mạng xã hội Zalo của Phan Đại L và hướng dẫn họ liên lạc với L để được sắp xếp đi. Sau đó, Nguyễn Văn Q gọi điện bảo Phan Đại L thu tiền đặt cọc của những người lao động để tiếp tục tổ chức trốn sang Đài Loan. Trước khi tổ chức cho người lao động trốn sang Đài Loan lao động, do đợt đi vào tháng 01/2018 không thành công, Nguyễn Văn Q đã gọi điện cho Phan Đại L nói trích 15.000.000đ trong số tiền thu của người lao động đưa cho bà Mai Thị T (sinh năm 1957, trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, mẹ của Q) để làm lễ cúng giải hạn, L đồng ý.

Ngày 08/3/2018, Phan Đại L ra Hà Nội thuê 03 phòng nghỉ ở nhà nghỉ M3 (khu vực Cầu G, Hà Nội), rồi thông báo địa chỉ cho những người lao động để tập trung đi Lạng Sơn. Trưa ngày 08/3/2018, sau khi tập trung đầy đủ 30 người lao động gồm: Phan Ngọc L8 sinh năm 1971, trú tại xã X, N, Hà Tĩnh; Đỗ Thị M1 sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Trần Văn T10 sinh năm 1980, trú tại xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; Vũ Đức M2 sinh năm 1987, trú tại xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng; Lê Thành L5 sinh năm 1985, trú tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Tô Thị Hậu sinh năm 1987, trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Đào Thị C sinh năm 1981, trú tại xã D, huyện G, thành phố Hà Nội; Nguyễn Duy H5 sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nguyễn Thị T7 sinh năm 1976, trú tại xã P, huyện P, thành phố Hà Nội; Phạm Thị T8 sinh năm 1985, trú tại xã P, huyện P, thành phố Hà Nội; Chu Văn Q2 sinh năm 1986, trú tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Trình Thị B1 sinh năm 1980, trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Ngọc Thị T9 sinh năm 1985, trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị T11 sinh năm 1991, trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; Phạm Thị B2 sinh năm 1984, trú tại xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên; Ma Văn T12 sinh năm 1981, trú tại xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Đoàn Ngọc V1 sinh năm 1990, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Cao Văn Tuấn sinh năm 1990, trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh

Thanh Hóa; Trần Văn Lâm sinh năm 1984, trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; Đào Thị H7 sinh năm 1976, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Văn T14 sinh năm 1984, trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Hồ Văn C1 sinh năm 1989, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nguyễn Thành L7 sinh năm 1988, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nguyễn Văn T15 sinh năm 1989, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Lương Văn T16 sinh năm 1976, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Mạc Văn Đ3 sinh năm 1977, trú tại xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Thị H8 sinh năm 1984, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn N2 sinh năm 1984, trú tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương; Lý Thị L9 sinh năm 1983, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Phan Duy K sinh năm 1964, trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Phan Đại L tiếp tục thu tiền đặt cọc của số người lao động chưa nộp tiền cọc theo danh sách Nguyễn Văn Q gửi và tập trung người lao động lên hai chiếc xe ô tô để đi Lạng Sơn theo hướng dẫn của Q. Khi xe đến ngã tư M, tỉnh Lạng Sơn, Phan Đại L liên lạc với người phụ nữ tên H9, H9 cho hai người đàn ông đến nhận người và tiền. Phan Đại L giao 30 người lao động và số tiền 180.000.000đ cho người của H9, sau đó Phan Đại L quay về Hà Nội.

Những người lao động được đưa lên xe ô tô đi lên cửa khẩu C3, tỉnh Lạng Sơn để vượt biên sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. Sang đến Trung Quốc, những người này được người dẫn đường đưa đi sâu vào trong nội địa rồi đến bờ biển tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc lên tàu vượt biên sang Đài Loan. Khi đến bờ biển Đài Loan, những người lao động xuống thuyền nhỏ để đi vào bờ thì gặp tai nạn làm hai người bị tử nạn (ông Phan Duy K trú tại xã X, N, Hà Tĩnh và chị Lý Thị L9 trú tại xã T, huyện L, Bắc Giang), số còn lại bị lực lượng chức năng Đài Loan bắt giữ và trục xuất về Việt Nam. Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn Q đã gọi điện cho Phan Đại L bảo L rút số điện thoại và hủy số tài khoản 19028959999999 ngân hàng T19 mà L đã sử dụng liên lạc, nhận tiền cọc của những người lao động, Phan Đại L đã hủy tài khoản và số điện thoại. Sau đó, Nguyễn Văn Q đã nhờ Mai Thị T (mẹ Q) gửi hỗ trợ cho gia đình Phan Duy K 50.000.000đ; gia đình Lý Thị L9 20.000.000đ.

Lần này Phan Đại L và Nguyễn Văn Q đã thu được khoảng 400.000.000đ tiền đặt cọc. Trong đó thu tiền mặt khoảng 48.000.000 đ; tiền chuyển qua tài khoản số 19028959999999 của Phan Đại L mở tại ngân hàng T19 352.000.000đ, Phan Đại L đã đưa cho người của người phụ nữ tên H9 số tiền 180.000.000đ, trả tiền thuê phòng nghỉ, chi phí ăn uống đi lại, riêng L được hưởng lợi số tiền 8.000.000đ. Nguyễn Văn Q bảo Phan Đại L trích 15.000.000đ từ việc thu của người lao động để đưa cho bà Mai Thị T (mẹ của Q) làm lễ giải hạn, Nguyễn Văn Q thu lợi bất chính số tiền 15.000.000đ.

Lần thứ ba:

Khoảng đầu tháng 3/2020, do có mối quan hệ quen biết, Hoàng Nghĩa C2 (sinh năm 1990, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) liên hệ với Nguyễn Văn Q

trao đổi về việc nhờ Q tổ chức trốn sang Đài Loan lao động, Q đồng ý và trao đổi với C2 chi phí sang Đài Loan là 6.500USD/người, nộp trước 500USD, hình thức đi là vượt biên sang Trung Quốc, từ Trung Quốc đi đường biển sang Đài Loan. Ngày 10/3/2020, theo hướng dẫn của Nguyễn Văn Q, Hoàng Nghĩa C2 đón xe đi lên ngã tư M, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, C2 gặp thêm 03 người gồm Trần Văn T1 (sinh năm 1994), Phan Văn Đ2 (sinh năm 1991) đều trú tại xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và Ngô Văn T2 (sinh năm 1986 trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Nguyễn Văn Q đã cho C2 số điện thoại của một người đàn ông tên D để D hướng dẫn đưa đi. Nhóm 04 người được một người đàn ông tên D đón dẫn về một nhà nghỉ, tại đây D thu mỗi người 10.000.000đ tiền đặt cọc. Sau khi lên đến Lạng Sơn, Hoàng Nghĩa C2 và mọi người được D tổ chức vượt biên sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch rồi được người trong đường dây của Nguyễn Văn Q đưa đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Lúc này, Nguyễn Văn Q yêu cầu Hoàng Nghĩa C2 nộp tiền, C2 đã liên lạc với Hà Nhật L1 (sinh năm 1994, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là vợ của Hoàng Nghĩa C2, lúc này đang lao động tại Đài Loan) nói với Hà Nhật L1 nộp tiền cho Nguyễn Văn Q, đồng thời nói Nguyễn Văn Q đến nơi ở của Hà Nhật L1 tại XinZoang, thành phố Đ, Đài Loan để lấy tiền. Sau khi Q đến gọi điện và xác nhận đúng là Nguyễn Văn Q thì C2 nói L1 nộp cho Q 10 vạn Đài tệ (khoảng 70.000.000đ). Sau đó, Hoàng Nghĩa C2 và những người khác tiếp tục được bố trí lên tàu để vượt biên sang Đài Loan nhưng bị lực lượng chức năng Đài Loan phát hiện, bắt giữ và trục xuất về Việt Nam.

Với hành vi trên, tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-P1, ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Quang về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 349; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Q 8 đến 9 năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khẳng định nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng và không có ý kiến gì tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Vì vậy, khẳng định quyết định, hành vi của các cơ quan tố tụng và của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2020, Nguyễn Văn Q và Phan Đại L đã 03 lần tổ chức cho 49 người (trong đó tháng 01 và tháng 3/2018 Nguyễn Văn Q và Phan Đại L đã 02 lần tổ chức cho 48 người, tháng 3/2020 Nguyễn Văn Q tổ chức cho 01 người) trốn sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch sau đó lên tàu biển để nhập cảnh trái phép vào Đài Loan. Trong số 49 người này có 02 người sau khi đến bờ biển Đài Loan, khi từ tàu lớn xuống thuyền nhỏ để vào đất liền thì bị lật thuyền dẫn đến tử vong, Nguyễn Văn Q thu lợi bất chính số tiền 15.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh, cư trú của N3 với động cơ mục đích thu lợi cá nhân. Vì vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" được quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Q biết nhiều người có nhu cầu sang Đài Loan lao động nhưng không thể nhập cảnh bằng con đường chính ngạch, lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý xuất nhập cảnh khu vực biên giới, cửa khẩu. Bị cáo đã 03 lần tổ chức cho 49 người trốn đi Đài Loan nhằm mục đích thu lợi cá nhân, trong 49 người trốn đi có 02 người tử vong. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính về lĩnh vực xuất nhập cảnh nên cần xử lý nghiêm.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Quá điều tra và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã tự giác trở về Việt Nam và ra đầu thú tại Cảng hàng không quốc

tế nội bài, Hà Nội; gia đình bị cáo có chú ruột Nguyễn Ngọc D1 là liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự: Cần phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Bị cáo Nguyễn Văn Q đã sử dụng số tiền này nhờ Mai Thị T (mẹ Q) gửi hỗ trợ cho 02 gia đình người đã chết Phan Duy K 50.000.000 đồng; gia đình Lý Thị L9 20.000.000 đồng nên không truy thu.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với Phan Đại L: Ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân đã xét xử Phan Đại L về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”(theo Bản án số 30/2019/HS-ST), hiện đã chấp hành xong hình phạt.

- Đối với người đàn ông tên A T17 là người liên hệ thuê Nguyễn Văn Q tổ chức cho các lao động Việt Nam trốn sang Đài Loan, do thông tin Nguyễn Văn Q cung cấp không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ.

- Đối với người phụ nữ tên H9 và 02 người đàn ông (do H9 cử đến) ở Lạng Sơn, do thông tin mà Phan Đại L và Nguyễn Văn Q cung cấp không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ.

- Đối với người đàn ông tên “D”: Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, Hoàng Nghĩa C2 trình bày khi lên đến Lạng Sơn thì gặp D (người Bắc Giang), do thông tin của Hoàng Nghĩa C2 cung cấp không đầy đủ, nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ.

- Đối với các lao động do Nguyễn Văn Q tổ chức trốn sang Đài Loan vào tháng 1, tháng 3/2018 và tháng 3/2020, hành vi của những người này vi phạm quy định quản lý xuất nhập cảnh, nhưng chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Cục Q3 Bộ C4 đề nghị hình thức xử lý hành chính là có căn cứ.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS, bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự ; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136; Điều 331; Điều 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 7 năm 6 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Q 10.000.000 (mười triệu) đồng

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PC44 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Thị hành án hình sự TAND tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLVNVLQ;
- Phòng LLTP Sở Tư pháp;
- Lưu HSPA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền

